

Bản án số: **175/2019/HC-PT**

Ngày: 07-10-2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý nhà nước trong
lĩnh vực đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Ánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 132/2019/TLPT-HC ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai*”, do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 875/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1972; trú tại: Thôn 12, xã C1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H: Ông **Nguyễn Văn L**, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Đ, trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt có gửi bản luận cứ).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: 09 đường Tr, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Văn H1**, chức vụ: Chủ tịch, là người đại diện theo pháp luật; Ông **Lê Đình C2**, chức vụ: Phó chủ tịch, là người đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền số 45/GUQ-UBND ngày 23/10/2018*), (có đơn vắng mặt).

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Trần Văn Đ1** (tên gọi khác: Trần Văn C), sinh năm 1966. Trú tại: Thôn 12, xã C1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, (có đơn vắng mặt).

3.2. Ông **Đỗ Ngọc T**, bà **Nguyễn Thị A**; *Người đại diện hợp pháp*: Ông **Nguyễn Như H2**, sinh năm 1970. Trú tại: Thôn C3, xã E1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, là *Người đại diện theo ủy quyền* (có mặt).

3.3. Ngân hàng N - Chi nhánh huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông **Hà Anh T1** - Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh. Địa chỉ: 04 đường Q, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, (có đơn vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Ông **Nguyễn Đình L1**, sinh năm 1960, (có đơn vắng mặt).

4.2. Ông **Nguyễn Văn N1**, sinh năm 1957, (có đơn vắng mặt).

4.3. Ông **Nguyễn Lê H3**, sinh năm 1968, (có đơn vắng mặt).

4.4. Ông **Nguyễn Thanh T2**, sinh năm 1982, (có đơn vắng mặt).

4.5. Bà **Châu Thị D**, sinh năm 1958, (có đơn vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn 12, xã C4, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

4.6. Ông **Nguyễn Hoàng T3**, sinh năm 1968; trú tại: Thôn 9, xã C4, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, (có đơn vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Người khởi kiện – bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2018; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại; tại phiên tòa, người khởi kiện bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào ngày 05/3/2008, tôi có sang nhượng thửa đất số 170, tờ bản đồ số 84, diện tích 2.730m² tại thôn 12, xã C1, huyện E của vợ chồng ông Đỗ Ngọc T, bà Nguyễn Thị A. Đến ngày 29/4/2009 tôi được Ủy ban nhân dân huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và từ đó đến nay tôi canh tác ổn định không tranh chấp gì. Đến ngày 25/7/2018 tôi nhận được quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi và hủy bỏ giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 496020 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 29/4/2009 cho tôi đối với diện tích đất này. Tôi không đồng ý với quyết định này của Ủy ban nhân dân huyện E vì quyền dùng đất của tôi được cấp năm 2009 là áp dụng luật đất đai năm 2003 và được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, nhưng quyết định thu hồi lại áp dụng luật đất đai năm 2013 là trái quy định của pháp luật. Mặt khác, diện tích đất này tôi mua của ông T, bà A có giấy tờ hợp pháp. Hiện tại tôi đã trồng các cây trồng trên đất và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên tại Ngân hàng N, chi nhánh huyện E. Nay, tôi khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện E trình bày: Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về nguồn gốc đăng ký kê khai và trách nhiệm của người sử dụng đất thì: Việc ông T, bà A lập giấy sang nhượng cho bà H ngày 05/3/2008 là trái quy định của pháp luật. Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông T chưa đủ điều kiện để sang nhượng. Mặt khác, khi lập giấy sang nhượng cho bà H, bà H không nộp giấy sang nhượng trên cho Ủy ban nhân dân xã C1 để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo nội dung xác nhận của ông Lê Văn M1, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C1 xác nhận vào đơn đề nghị ngày 18/3/2003 “Ủy ban nhân dân xã giao cho địa chính lập biên bản kiểm tra, tạm thời giao cho bà Nguyễn Thị H được sử dụng lô đất để trồng hoa màu, nghiêm cấm sang nhượng lô đất”. Như vậy, từ năm 2003 đến 05/3/2008 thửa đất trên chưa thuộc quyền sử dụng của bà H, ông Đ1. Tại thời điểm bà H đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007, bà H không xuất trình giấy mượn đất năm 2003. Trách nhiệm này thuộc về bà H, bên cạnh đó, bà H kê khai không đúng nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất. Như vậy, không đúng đối tượng sử dụng đất. Vì vậy, ngày 20/7/2018 Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 629/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 496020 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 29/4/2009 mang tên bà Nguyễn Thị H. Lý do thu hồi và hủy bỏ: Vi phạm điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Từ những căn cứ trên, Ủy ban nhân dân huyện E nhận thấy việc bà Nguyễn Thị H đề nghị hủy Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 về việc thu hồi và hủy bỏ giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 496020 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 29/4/2009 là không có căn cứ. Ủy ban nhân dân huyện E kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ1 trình bày: Tôi là chồng của bà Nguyễn Thị H, vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là của riêng bà H. Tôi không có liên quan gì đến vụ án này nên tôi từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Ngọc T, bà Nguyễn Thị A là ông Nguyễn Như H2 trình bày: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi và hủy bỏ giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 496020 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 29/4/2009 cho bà H.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N, chi nhánh Huyện E, đại diện theo ủy quyền ông Hà Anh T1

trình bày: Ông Trần Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị H có vay vốn bên Ngân hàng chúng tôi số tiền 100.000.000 đồng; hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có tài sản bảo đảm theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 06/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn để vay vốn ngân hàng nhằm mục đích phục vụ cho phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn. Nay bà Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định Số 629/QĐ- UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk thì Ngân hàng N, chi nhánh Huyện E không có ý kiến gì. Vì lý do công việc nên Ngân hàng N, chi nhánh Huyện E xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, những người làm chứng ông Nguyễn Đình L1, ông Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Hoàng T3, ông Nguyễn Lê H3, ông Nguyễn Thanh T2, bà Châu Thị D trình bày: Lời khai của bà Nguyễn Thị H về việc sử dụng diện tích đất trên là đúng. Do ở gần diện tích đất của bà H nên có biết việc việc sang nhượng diện tích đất trên giữa bà H và ông T, bà A.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HCST ngày 28 - 02 -2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ vào: Điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 66 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, về việc thu hồi và hủy bỏ giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 496020 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 29/4/2009.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HCST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị H và văn bản của người trợ giúp pháp lý vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, chấp nhận đơn khởi kiện của bà H về việc yêu cầu như tại phiên tòa sơ thẩm: Hủy Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vì bà H đã sử dụng đất liên tục trong 18 năm qua không có ai tranh chấp và hiện tại cũng đang sử dụng trồng cây lâu năm, chính quyền địa phương cũng không quyết định giao cho người nào khác..

Ông Nguyễn Như H2 đại diện cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp nhận đơn kháng cáo của bà H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Án sơ thẩm giải quyết chưa đúng pháp luật, người khởi kiện kháng cáo là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, sửa án sơ thẩm hủy Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo của người khởi kiện, thì thấy: Xét về nguồn gốc đất, thửa đất số 170, tờ bản đồ số 84, diện tích 2.730m², vị trí thửa đất tại thôn 12, xã C1, huyện E là của ông Đỗ Ngọc T và bà Nguyễn Thị A khai hoang và canh tác sử dụng từ năm 1985. Tuy nhiên, đến thời điểm năm 2000, ông Đỗ Ngọc T có đánh ông Trần Văn Đ1 (chồng bà H) gây thương tích và hai bên đã thoả thuận ông T phải bồi thường cho ông Đ1 số tiền 3.335.000đ, nhưng ông T không có tiền trả và đã bỏ đi khỏi địa phương, không sử dụng diện tích đất trên từ năm 2001. Sau đó hộ bà H đã sử dụng diện tích đất trên khi chưa có sự thoả thuận hay sang nhượng của hộ ông T, bà A; Quá trình sử dụng đất bà H có khai hoang thêm một phần diện tích đất. Ngày 18/3/2003 gia đình ông Đ1, bà H có làm đơn xin sử dụng diện tích đất của ông T và bà A được ông Lê Văn M1, Chủ tịch UBND xã xác nhận có nội dung như sau: “*Theo đơn đề nghị của bà H UBND xã giao cho địa chính lập biên bản kiểm tra, tạm thời giao cho bà Nguyễn Thị H được sử dụng lô đất để trồng hoa màu, nghiêm cấm sang nhượng lô đất.*”. Ngày 05/3/2008 ông T, bà A về địa phương, hai bên đã lập giấy sang nhượng với số tiền 3.000.000đ, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Đình L1 thôn trưởng thôn 12, ông Nguyễn Văn N1, công an viên thôn 12, ông H4 cư trú tại thôn 9 và việc sang nhượng là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, hai bên cũng cho đây là cản trở nợ từ việc ông T gây thương tích cho ông Đ1 và còn nợ số tiền 3.335.000đ. Sau khi lập giấy sang nhượng ông T, bà A đã ký vào giấy sang nhượng và giấy này được ông Nguyễn Hồng K, Chủ tịch UBND xã C1 ký xác nhận ngày 05/3/2008.

[2]. Xét về trình tự, thủ tục hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H: Ngày 25/10/2007, bà Nguyễn Thị H có Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 170, tờ bản đồ số 84, diện tích 2.730m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, nguồn gốc đất: khai hoang

năm 1998, vị trí thửa đất tại thôn 12, xã C1, huyện E; Ngày 25/10/2007, UBND xã C1 có Biên bản kiểm tra xác minh thực địa; Ngày 26/02/2008, UBND xã C1 xác nhận vào Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H với nội dung: về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất khai hoang năm 1998, phù hợp quy hoạch; Ngày 05/5/2008, UBND xã C1 có Thông báo số 06/TB-UBND về việc công khai hồ sơ đất đai đối với 99 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có hộ bà Nguyễn Thị H); Ngày 21/5/2008, UBND xã C1 lập Biên bản kết thúc công khai theo quy định. Trong thời gian công khai UBND xã C1 không nhận được bất kỳ ý kiến khiếu nại, tranh chấp nào liên quan đến thửa số 170, tờ bản đồ số 84; Ngày 11/9/2008, UBND xã C1 có Tờ trình số 49/TTr-UBND về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 99 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có hộ bà Nguyễn Thị H). Ngày 29/12/2008, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E) tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 99 hộ gia đình, cá nhân do xã C1 chuyển đến (trong đó có bà Nguyễn Thị H). Sau khi thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 99 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có bà Nguyễn Thị H). Ngày 31/12/2008, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường có phiếu chuyển thông tin gửi Chi cục thuế để xác định nghĩa vụ tài chính phải nộp đối với Nhà nước. Ngày 06/3/2009, bà Nguyễn Thị H đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định (theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 0018381). Ngày 24/4/2009, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất ký xác nhận đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trình Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Nguyễn Thị H. Ngày 29/4/2009, UBND huyện E có Quyết định số 1754/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 496020 cùng ngày 29/4/2009, tại thửa số 170, tờ bản đồ số 84, diện tích 2.730m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, nguồn gốc đất: khai hoang năm 1998, vị trí thửa đất tại thôn 12, xã C1, huyện E cho bà Nguyễn Thị H. Trong thời gian thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai đối với việc cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 99 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có hộ gia đình bà Nguyễn Thị H), Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên Môi trường và UBND xã C1 không nhận được đơn khiếu nại tranh chấp cũng như các ý kiến, kiến nghị vụ việc trên của bất kỳ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào. Như vậy, có thể khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk là đúng, đủ trình tự thủ tục theo quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[3]. Xét về đối tượng được cấp Giấy CNQSDĐ thì thấy: Căn cứ vào thành phần nội dung hồ sơ, đối chiếu các quy định của pháp luật đất đai năm 2003. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị H kê khai nguồn gốc sử dụng đất: Khai hoang năm 1998 được UBND xã C1 xác nhận ngày 26/02/2008 và đề nghị của UBND xã C1 tại Tờ trình số 49/TTr-UBND, ngày 11/9/2008. Việc Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E lập hồ sơ trình Phòng Tài

nguyên và Môi trường tham mưu UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H là đúng, đủ trình tự theo quy định của pháp luật. Với nguồn gốc và trình tự thủ tục như trên thì thấy tuy ông T bà A khai hoang thửa đất trên nhưng ông bà không sử dụng mà bỏ đi làm ăn xa từ năm 2001 nên bà H là người sử dụng ổn định lâu dài không có tranh chấp. Hơn nữa ông T bà A đã viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H với số tiền 3.000.000đ được căn trừ nợ, văn bản có xác nhận của UBND xã C1. Việc UBND huyện E nhận định là giấy tờ mua bán trái phép và cho rằng cấp Giấy CNQSDĐ không đúng đối tượng để ban hành Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 thu hồi và hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy CNQSDĐ đã cấp cho bà H là không đúng pháp luật, không đúng với lẽ công bằng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất ổn định và lâu dài từ năm 2001 đến nay.

[4]. Đối với ý kiến của ông Nguyễn Như H2 cho rằng giấy thỏa thuận ngày 05/3/2008 là giấy căn trừ nợ ông T khẳng định không ký vào văn bản trên. HĐXX thấy rằng tại Đơn xin chuyển nhượng đất ngày 05/3/2008 của ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị A có nội dung chuyển thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị H để trừ nợ 3.000.000đ, ngoài chữ ký ông T bà A còn có các chữ ký xác nhận làm chứng của Nguyễn Đình L1 là trưởng thôn 12, ông Nguyễn Văn N1 Công an viên thôn 12, các ông Hồ Nhật K1, Nguyễn Lê H3 và Nguyễn Hoàng T3 là những người sử dụng đất liền kề; Các chữ ký trên được Chủ tịch UBND xã C1 là ông Nguyễn Hồng K xác nhận là “*ký trước mặt chúng tôi*”. Mặt khác, tại biên bản ngày 20/10/2017 của Thanh tra huyện E, ông T đã khẳng định là chữ ký của ông và vợ chồng ông không yêu cầu giám định. Tại phiên tòa phúc thẩm các ông bà Nguyễn Lê H3, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Đình L1 và Châu Thị D là những người sử dụng đất liền kề và lân cận gửi đơn xin vắng mặt nhưng đều thừa nhận trong 18 năm qua, vợ chồng ông T bà A không sử dụng đất, còn bà H sử dụng ổn định lâu dài và không có ai tranh chấp.

[5]. Từ nhận định trên đây, xét thấy việc kháng cáo của bà Nguyễn Thị H là có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay người bị kiện không có mặt; Đại diện cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Ngọc T và bà Nguyễn Thị A là ông Nguyễn Như H2 không cung cấp được chứng cứ nào mới; do vậy HĐXX chấp nhận ý kiến tranh luận của trợ giúp viên pháp lý cho người khởi kiện và người khởi kiện, cũng như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát; Không chấp nhận ý kiến tranh luận của người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Bà Nguyễn Thị H là hộ nghèo và là Người kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Do bản án bị sửa nên UBND huyện E phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HCST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 37, khoản 3 Điều 49 và Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, về việc thu hồi và hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 496020 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho bà H ngày 29/4/2009.

Tuyên hủy Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, về việc thu hồi và hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 496020 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho bà H ngày 29/4/2009.

2. Án phí hành chính:

- Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (07/10/2019).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra III - TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, LT, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường